ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31 /2021/QĐ-UBND	*Phú Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 57/TTr-SXD ngày 22 tháng 7 năm 2021 và Văn bản số 1363/SXD-QLXD ngày 05 tháng 8 năm 2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày .06./.9…/2021 và thay thế Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- Sở Tư pháp - Phòng XDKT&TDTHPL;
- Trung tâm Truyền thông - VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phg, QVi4.27.6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hổ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Yên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung liên quan đến việc phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý, gồm: thẩm định, phê duyệt dự án; thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng; đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng đối với các cấp của tỉnh trong các công tác quy định tại Điều 1 Quy định này.

Chương II
THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 3. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên

1. Sở Xây dựng chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (trừ dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy

ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn).

2. Sở Giao thông vận tải chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án nhóm C do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn.

4. Sở Công Thương chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

5. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, được phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Phòng Quản lý đô thị đối với dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án, công trình cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn); dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;

b) Phòng Kinh tế đối với dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn; dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án do Phòng Quản lý đô thị quản lý quy định tại điểm a khoản này);

c) Phòng Kinh tế và Hạ tầng đối với dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn); dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;

d) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn.

6. Bộ phận Xây dựng cấp xã chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công

1. Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn).

2. Sở Giao thông vận tải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn.

4. Sở Công Thương thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định dự án PPP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định cấp cơ sở theo đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định) để thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt dự án.

2. Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn).

3. Sở Giao thông vận tải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn.

5. Sở Công Thương thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác

1. Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này) với thẩm

quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn).

2. Sở Giao thông vận tải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này) với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này) với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn.

4. Sở Công Thương thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này) với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được đầu tư xây dựng tại các Khu công nghiệp, các Khu chức năng của Khu kinh tế Phú Yên được giao quản lý (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các khu dân cư thuộc thị xã Đông Hòa).

6. Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng với thẩm quyền là cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được đầu tư xây dựng tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên được giao quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và dự án đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do tỉnh quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư công năm 2019 và dự án quy định tại điểm c, d, điểm đ khoản này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt các dự án nhóm B, nhóm C do cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư công năm 2019 và dự án quy định tại điểm c khoản này;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị mình dành để đầu tư;

d) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do tỉnh quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư công năm 2019 và dự án quy định tại điểm c, điểm đ khoản này;

đ) Đối với các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư (Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã đối với các công trình do mình quản lý), không phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác, thẩm quyền quyết định đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 60 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.

3. Đối với dự án PPP, thẩm quyền quyết định đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Chương III
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Mục 1
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên:

a) Sở Xây dựng thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ công trình thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn);

b) Sở Giao thông vận tải thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ công trình thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ công trình thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn;

d) Sở Công Thương thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ công trình thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP;

đ) Phân cấp cho cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án nhóm C do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này.

2 Đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công:

a) Sở Xây dựng thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn);

b) Sở Giao thông vận tải thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn;

d) Sở Công Thương thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Đối với công trình thuộc dự án PPP:

a) Sở Xây dựng thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn);

b) Sở Giao thông vận tải thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn;

d) Sở Công Thương thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

4. Đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

a) Sở Xây dựng thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn);

b) Sở Giao thông vận tải thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn;

d) Sở Công Thương thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình thuộc dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Mục 2
CÔNG TÁC ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định công tác đấu thầu

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung sau đây: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư và các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ đầu tư;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung sau đây: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ đầu tư.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng bộ phận chuyên môn phù hợp để thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư.

d) Người đại điện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng do mình quyết định đầu tư.

đ) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quy định tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan mình thực hiện việc tổ chức thẩm định: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do mình quản lý.

Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao thẩm định không đủ năng lực thì chủ đầu tư tiến hành lựa chọn một tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thẩm định. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do mình quản lý.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, thẩm quyền thẩm định công tác đấu thầu được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

3. Đối với dự án PPP, thẩm quyền thẩm định công tác đấu thầu được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt công tác đấu thầu

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng do mình quyết định đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định này.

b) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng do mình quyết định đầu tư.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng do mình quyết định đầu tư.

đ) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng do mình quyết định đầu tư.

e) Chủ đầu tư phê duyệt các nội dung sau đây: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng; kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách ngắn và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng do mình quản lý.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, thẩm quyền phê duyệt công tác đấu thầu được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

3. Đối với dự án PPP, thẩm quyền phê duyệt công tác đấu thầu được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Chương IV
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 11. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các việc sau:

a) Quản lý chất lượng các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (trừ các công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn);

b) Hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn;

c) Hướng dẫn việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng thuộc chuyên ngành do Sở quản lý;

d) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và an toàn trong thi công xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng; chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn;

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình theo chuyên ngành trên địa bàn;

e) Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo thẩm quyền;

g) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quy định này;

h) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh: Tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn;

i) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

k) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn định kỳ hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

2. Các sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương thực hiện các việc sau:

a) Quản lý chất lượng các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành, cụ thể: Sở Giao thông vận tải đối với các công trình theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các công trình theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn; Sở Công Thương đối với các công trình theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Hướng dẫn việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng thuộc chuyên ngành do Sở mình quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và an toàn trong thi công xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng; chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình theo chuyên ngành trên địa bàn;

d) Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo thẩm quyền;

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại điểm b, c và điểm d khoản 1 Điều 12 Quy định này;

e) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu; tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng và tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị đối với công trình xây dựng chuyên ngành;

g) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn do mình quản lý định kỳ hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên thực hiện các việc sau:

a) Quản lý chất lượng các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý, cụ thể: Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên đối với các công trình được đầu tư xây dựng tại các Khu công nghiệp, các Khu chức năng của Khu kinh tế Phú Yên được giao quản lý (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các khu dân cư thuộc thị xã Đông Hòa); Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên đối với các công trình được đầu tư xây dựng tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên được giao quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và an toàn trong thi công xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng; chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn được giao quản lý;

c) Thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo thẩm quyền;

d) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 12 Quy định này;

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu; tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng và tổ chức điều tra sự cố về máy, thiết bị đối với công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý;

e) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương về tình hình chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn được giao quản lý định kỳ hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

4. Cơ quan có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp thực hiện các công việc sau:

a) Quản lý chất lượng các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý theo chuyên ngành quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

c) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn;

d) Phối hợp với các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên kiểm tra công tác quản lý chất lượng và an toàn trong thi công xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng; chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn;

đ) Phối hợp với các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

e) Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo phân cấp;

g) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo phân cấp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 12 Quy định này;

h) Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; điều tra sự cố về máy, thiết bị theo phân cấp quy định tại

khoản 2 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 Quy định này; theo dõi, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo về tình hình sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn;

i) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương về tình hình chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn theo phân cấp định kỳ hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 12. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn được phân công, phân cấp như sau:

a) Sở Xây dựng kiểm tra đối với các công trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại điểm đ, e và điểm g khoản này) thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ các công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn);

b) Sở Giao thông vận tải kiểm tra đối với các công trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại điểm đ, e và điểm g khoản này) thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra đối với các công trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại điểm đ, e và điểm g khoản này) thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các công trình thuộc dự án cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn;

d) Sở Công Thương kiểm tra đối với các công trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại điểm đ, e và điểm g khoản này) thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

đ) Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên kiểm tra đối với các công trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, sử dụng vốn khác được đầu tư xây dựng tại các Khu công nghiệp, các Khu chức năng của Khu kinh tế Phú Yên được giao quản lý (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các khu dân cư thuộc thị xã Đông Hòa);

e) Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên kiểm tra đối với các công trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số

06/2021/NĐ-CP thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, sử dụng vốn khác được đầu tư xây dựng tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên được giao quản lý;

g) Phân cấp cho cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra đối với các công trình từ cấp III trở xuống sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư; công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng từ cấp III trở xuống sử dụng vốn khác xây dựng trên địa bàn theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này.

2. Phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng:

a) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm mời các cơ quan có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

b) Các sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên và cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Uỷ ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi thông báo kết quả kiểm tra về Sở Xây dựng để tổng hợp, quản lý;

c) Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi thông báo kết quả kiểm tra về các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương theo chuyên ngành quản lý để tổng hợp, quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên và Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên tiếp nhận, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình xây dựng đối với các công trình từ cấp II trở lên theo chuyên ngành, địa bàn do cơ quan mình quản lý quy định tại Điều 11 Quy định này.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình xây dựng đối với các công trình từ cấp III trở xuống trên địa bàn. Cơ quan có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình xây dựng theo phân cấp đối với các công trình xây dựng theo chuyên ngành do cơ quan mình quản lý quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này.

Điều 14. Thẩm quyền xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ nhà ở riêng lẻ)

1. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên và Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên có trách nhiệm tiếp nhận, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình đối với các công trình từ cấp II trở lên theo chuyên ngành, địa bàn do cơ quan mình quản lý quy định tại Điều 11 Quy định này.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận xử lý và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình đối với các công trình từ cấp III trở xuống trên địa bàn. Cơ quan có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình theo phân cấp đối với các công trình xây dựng theo chuyên ngành do cơ quan mình quản lý quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này.

Điều 15. Thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì giải quyết sự cố cấp I các công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì giải quyết sự cố cấp II, cấp III các công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 16. Thẩm quyền điều tra sự cố về máy, thiết bị

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì điều tra sự cố về máy, thiết bị xảy ra trên địa bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì điều tra sự cố về máy, thiết bị xảy ra trên địa bàn đối với các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu theo phân cấp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 12 Quy định này.

Chương V
QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 17. Thẩm quyền thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên:

a) Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Bộ phận Tài chính cấp xã chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp không đủ năng lực để thực hiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng các dự án do mình quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, trừ dự án theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 35 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, người quyết định đầu tư tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng các dự án do mình quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án PPP, thẩm quyền thẩm tra quyết toán vốn đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Điều 18. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng các dự án do mình quyết định đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng các dự án do mình quyết định đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quy định này;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng các dự án do mình quyết định đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quy định này;

d) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Quy định này;

đ) Các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng được đầu tư bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn phí được để lại theo chế độ quy định để chi thường xuyên có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, trừ dự án theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 35 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng.

3. Đối với dự án PPP, thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Phân công trách nhiệm

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung tại Quy định này.

2. Trách nhiệm của các sở, ban ngành:

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức hướng dẫn thực hiện các nội dung theo Quy định này;

b) Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung tại Quy định này có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và giải quyết các công việc có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư của chủ đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ngành mình.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan trực thuộc:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra các phòng chuyên môn cấp huyện, các bộ phận chức năng cấp xã tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung tại Quy định này;

b) Các phòng chuyên môn cấp huyện, các bộ phận chức năng cấp xã: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định và các nội dung tại Quy định này có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện đầu tư của chủ đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan mình.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có gì vướng mắc, thủ trưởng các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.